

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 226/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Hồ Thị Kim C, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn G, xã V, thành phố H.

- *Bị đơn*: Anh Phan Quốc L, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn G, xã V, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hồ Thị Kim C, sinh năm: 1989 và anh Phan Quốc L, sinh năm: 1988.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Hồ Thị Kim C và anh Phan Quốc L có 02 người con chung là: Cháu Phan Hồ Quỳnh N, sinh ngày 07/12/2010; cháu Phan Hồ Anh T, sinh ngày 24/12/2018.

Hai bên đã thỏa thuận với nhau là giao 02 cháu Phan Hồ Quỳnh N, và cháu Phan Hồ Anh T cho chị C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, Anh Phan Quốc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung

theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Anh Phan Quốc L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi cháu là: 1.500.000 đồng/tháng, tổng 02 cháu là 3.000.000 đồng/ tháng kể từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực cho đến khi 02 cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2 Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Hồ Thị Kim C và anh Phan Quốc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Kim C chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001857 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị C đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 – Huế;
- UBND xã Vinh Giang, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; (Nay là xã Vinh Lộc, TP Huế)
- (Đăng ký kết hôn ngày 14/9/2010)
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hằng